

## Lab 1 - Deploy AWS with Ansible

### 1. Đăng ký tài khoản aws.

Trong AWS console, tìm kiếm **\*IAM\*** và mở nó sau đó làm theo hướng dẫn trong File từng bước 1 không bỏ sót bước nào và dưới đây là một số ảnh minh chứng đã thực hiện lab.

Tạo người dùng và đặt tên cho người dùng là ansible-admin.

**Specify user details**

**User details**

User name

ansible-admin1

The user name can have up to 64 characters. Valid characters: A-Z, a-z, 0-9, and + = , . @ \_ - (hyphen)

☐ Provide user access to the AWS Management Console - *optional*  
If you're providing console access to a person, it's a [best practice](#) to manage their access in IAM Identity Center.

☒ If you are creating programmatic access through access keys or service-specific credentials for AWS CodeCommit or Amazon Keyspaces, you can generate them after you create this IAM user.  
[Learn more](#)

Cancel Next

Tiếp theo chọn policies ở đây sẽ chọn AdministratorAccess để nó có mức quyền cao nhất trong toàn hệ thống AWS.

**Permissions options**

☐ Add user to group  
Add user to an existing group, or create a new group. We recommend using groups to manage user permissions by job function.

☐ Copy permissions  
Copy all group memberships, attached managed policies, and inline policies from an existing user.

☒ Attach policies directly  
Attach a managed policy directly to a user. As a best practice, we recommend attaching policies to a group instead. Then, add the user to the appropriate group.

**Permissions policies (1/1399)** [Create policy](#)

Choose one or more policies to attach to your new user.

Filter by Type

Search

All types

<input type="checkbox"/>	Policy name	Type	Attached entities
<input type="checkbox"/>	<a href="#">AccessAnalyzerServiceRolePolicy</a>	AWS managed	0
<input checked="" type="checkbox"/>	<a href="#">AdministratorAccess</a>	AWS managed - job function	2
<input type="checkbox"/>	<a href="#">AdministratorAccess-Amplify</a>	AWS managed	0
<input type="checkbox"/>	<a href="#">AdministratorAccess-AWSElasticBeanstalk</a>	AWS managed	0
<input type="checkbox"/>	<a href="#">AIOpsAssistantIncidentReportPolicy</a>	AWS managed	0
<input type="checkbox"/>	<a href="#">AIOpsAssistantPolicy</a>	AWS managed	0
<input type="checkbox"/>	<a href="#">AIOpsConsoleAdminPolicy</a>	AWS managed	0
<input type="checkbox"/>	<a href="#">AIOpsOperatorAccess</a>	AWS managed	0
<input type="checkbox"/>	<a href="#">AIOpsReadOnlyAccess</a>	AWS managed	0
<input type="checkbox"/>	<a href="#">AlexaForBusinessDeviceSetup</a>	AWS managed	0
<input type="checkbox"/>	<a href="#">AlexaForBusinessFullAccess</a>	AWS managed	0



## “AWS configure –profile default”

Lệnh này dùng để cấu hình thông tin xác thực cho AWS CLI — cụ thể là thiết lập profile mặc định (default) mà CLI sẽ sử dụng khi kết nối với tài khoản AWS, và thêm các trường như access key và access key.

```
(kolla-venv) deployer@aio:/etc/kolla/ansible/inventory$ aws configure --profile default
AWS Access Key ID [*****74G5]:
AWS Secret Access Key [*****fzxb]:
Default region name [ap-southeast-1]: ap-southeast-1
Default output format [json]: json
```

Tiếp tục configure các file bên dưới như bên trong file hướng dẫn.

```
(kolla-venv) deployer@aio:/etc/kolla/ansible/inventory$ cd ..
(kolla-venv) deployer@aio:/etc/kolla$ cd ansible-aws-cli/
(kolla-venv) deployer@aio:/etc/kolla/ansible-aws-cli$ ls
ansible.cfg  playbook.yml  tasks  vars
(kolla-venv) deployer@aio:/etc/kolla/ansible-aws-cli$
```

Trong file s3.yml thì cấu hình như bên dưới.

```
deployer@aio: /etc/kolla/ansible-aws-cli/tasks
GNU nano 6.2 s3.yml
- name: Create S3 bucket
  amazon.aws.s3_bucket:
    name: "{{ 22521177 }}"
    state: present
    profile: "{{ aws_profile }}"
    region: "{{ aws_region }}"
```

Sau khi cấu hình xong thì chạy lệnh “**ansible-playbook /etc/kolla/ansible-aws-cli/playbook.yml**” để playbook đã cấu hình.

Sau khi cấu hình xong thì sử dụng lệnh “**aws s3 ls**”

Chạy lệnh trên và hiển thị như bên dưới vậy là hoàn thành task.

```
TASK [Create S3 bucket] *****
changed: [localhost]

PLAY RECAP *****
localhost : ok=2 changed=1 unreachable=0 failed=0 skipped=0 rescued=0 ign

(kolla-venv) deployer@aio:/etc/kolla/ansible-aws-cli$ aws s3 ls
2025-10-29 06:41:55 22521177
(kolla-venv) deployer@aio:/etc/kolla/ansible-aws-cli$
```